

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin và ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Phượng - Thư Ký Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu dân cư A1, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu dân cư C, phường D, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

3. *Người làm chứng:*

+ Bà Phạm Thị Hải N, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu dân cư A1, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu dân cư C, phường D, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã D, huyện Kinh Môn (nay là phường D, thị xã Kinh Môn) tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại gia đình anh M tại thôn C, xã D, huyện Kinh Môn. Tình cảm vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 4 năm

2023, anh M chơi bời không vun vén cho gia đình nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở khu dân cư A1, phường A, thị xã Kinh Môn sống đến nay. Vợ chồng sống ly thân nhau hơn một năm nay, không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Trần Thị Thanh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được UBND xã D, huyện Kinh Môn đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở khu dân cư A1, phường A, thị xã Kinh Môn; anh có đến tìm chị T để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T không về. Nay chị T cương quyết ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương, UBND phường D, thị xã Kinh Môn cung cấp: Anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị Thanh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Kinh Môn (nay là phường D, thị xã Kinh Môn) vào ngày 16/11/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình anh M; địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn, chỉ biết hiện nay anh M, chị T đã ly thân nhau. Nay chị T xin ly hôn anh M, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị chưa có con chung.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Phạm Thị Hải N trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Trần Thị Thanh T. Chị T và anh M kết hôn với nhau vào năm 2017. Sau khi kết hôn, chị T về sống cùng với gia đình anh M ở C, D. Vợ chồng chung sống tại gia đình anh M thế nào bà không nắm được. Đến tháng 4/2023, chị T đã về nhà bà sống cho đến nay, chị T có nói là do anh M chơi bời không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không chịu đựng được nhau nữa nên chị bỏ về. Anh M có đến đón chị T về vài lần nhưng chị T không về. Nay, chị T khởi kiện ly hôn anh M, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Anh M, chị T không có con chung.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn M. Anh M và chị T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào ngày 16/11/2017 và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, chị T về sống cùng với gia đình bà. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, có một lần anh chị cãi nhau, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị T sống cho đến nay đã hơn một năm. Anh M có đến nhà chị T động viên chị về nhưng chị T không đồng ý. Nay,

chị T khởi kiện ly hôn anh M, bà đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Anh M, chị T không có con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn M. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Trần Thị Thanh T khởi kiện ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn M, trú tại khu dân cư C, phường D, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho các đương sự; nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T, bị đơn anh Nguyễn Văn M đều đề nghị xét xử vắng mặt; những người làm chứng đều vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Kinh Môn (nay là phường D, thị xã Kinh Môn) vào ngày 16/11/2017 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, chị T đã bỏ về nhà đẻ từ tháng 4 năm 2023 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau hơn một năm nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị được ly hôn anh M; còn anh M xác định chị T cương quyết ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh M đến làm việc, đến hoà giải nhưng anh đều vắng mặt, chứng tỏ anh M không còn quan tâm đến việc hoà giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình mà còn bỏ mặc, đề nghị giải quyết theo pháp luật, HĐXX thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai anh chị đã chấm dứt, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần

chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002370 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn;
- UBND phường D, thị xã Kinh Môn (nơi đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi